

Phụ lục II

**RÀ SOÁT TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
25/2021/QĐ-TTG NGÀY 22/7/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY
ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

(Kèm theo Báo cáo số 344/BC-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp)

TT	Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg	Các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chính quyền cấp xã khác có trùng lặp
1	Tiêu chí 1: Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	
	Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	* Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật (Điều 2 Thông tư số 08/2021/TT-BTP) “Điều 2. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật 1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là văn bản quy định chi tiết) được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau: a) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết so với văn bản được quy định chi tiết; b) Nội dung quy định chi tiết so với quy định của văn bản được quy định chi tiết. 2. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau: a) Không có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản quy phạm pháp luật khác; c) Không có mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy định trong văn bản quy định chi tiết. 3. Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau: a) Không có quy định không phù hợp với thực tế dẫn đến không thực hiện được;

	b) Không có quy định không rõ ràng, cụ thể dẫn đến không thực hiện được.” * Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Tiêu chí “Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định” (Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu). + Chỉ tiêu về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được giao, đảm bảo chất lượng (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên). + Ban hành các văn bản đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, nội dung các văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật (Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Phú Yên).
Chỉ tiêu 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân	* Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật (Điều 4 Thông tư số 08/2024/TT-BTP): “2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau: a) Văn bản được ban hành để hướng dẫn áp dụng pháp luật không vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, không có nội dung trái với quy định pháp luật; b) Văn bản áp dụng pháp luật đã ban hành không vi phạm về thẩm quyền, không có nội dung trái với quy định pháp luật; việc áp dụng pháp luật không vi phạm về trình tự, thủ tục.” * Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Tiêu chí ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy

		ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang); + Tiêu chí “Các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương” (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Quyết định số: 3164/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang); + Ban hành các văn bản đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, nội dung các văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật (Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Phú Yên)
2	Tiêu chí 2: Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	
	Chỉ tiêu 1: Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	* Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: Thực hiện những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)
	Chỉ tiêu 2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin	* Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã cho nhân dân địa phương theo quy định (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)
	Chỉ tiêu 3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	* Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật (Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2024/TT-BTP): Việc xem xét, đánh giá tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động phổ biến pháp luật thực hiện theo quy định về đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
	Chỉ tiêu 4. Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	* Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Thông tư số 03/2018/TT-BTP):
	Chỉ tiêu 5. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền	1. Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ

	viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý (tối đa 04 điểm).
	Chỉ tiêu 6. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	a) Ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm: 01 điểm; trường hợp không ban hành: 0 điểm; b) Ban hành chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc phù hợp với đặc thù của địa bàn, lĩnh vực quản lý: 01 điểm; trường hợp không ban hành: 0 điểm; c) Ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trung hạn và dài hạn theo hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: 01 điểm; trường hợp không ban hành: 0 điểm; trường hợp trong kỳ đánh giá không phát sinh nhiệm vụ thì được 01 điểm; d) Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý: 01 điểm; trường hợp không ban hành: 0 điểm. 2. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý (tối đa 04 điểm). a) Hoàn thành từ 90% đến 100% các nhiệm vụ và hoạt động đề ra: 04 điểm; b) Hoàn thành từ 80% đến 90% các nhiệm vụ và hoạt động đề ra: 03 điểm; c) Hoàn thành từ 70% đến 80% các nhiệm vụ và hoạt động đề ra: 02 điểm; d) Hoàn thành từ 60% đến 70% các nhiệm vụ và hoạt động đề ra: 01 điểm; đ) Hoàn thành dưới 60% các nhiệm vụ và hoạt động đề ra: 0 điểm. 3. Về thời điểm ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý (tối đa 02 điểm). a) Ban hành trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên ban hành chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 02 điểm;

	b) Ban hành trong thời hạn trên 15 ngày làm việc và dưới 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên ban hành chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 01 điểm; c) Ban hành sau 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên ban hành chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 0 điểm. 4. Xác định nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý (tối đa 05 điểm) a) Xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật (tối đa 02 điểm): Có xác định phù hợp với từng nhóm đối tượng: 02 điểm; có xác định nhưng không phù hợp với từng nhóm đối tượng: 01 điểm; trường hợp không xác định: 0 điểm; b) Xác định hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (tối đa 02 điểm): Có xác định phù hợp với từng nhóm đối tượng: 02 điểm; có xác định nhưng không phù hợp với từng nhóm đối tượng: 01 điểm; trường hợp không xác định: 0 điểm; c) Có chỉ đạo, hướng dẫn việc xác định nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù phù hợp với từng nhóm đối tượng trong lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý: 01 điểm; trường hợp không có chỉ đạo, hướng dẫn: 0 điểm. 5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật (tối đa 05 điểm). a) Hằng năm có tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý (tối đa 03 điểm). Trong đó, từ 80% trở lên: 03 điểm; từ 65% đến 80%: 02 điểm; từ 50% đến 65%: 01 điểm; dưới 50%: 0 điểm; b) Hằng năm có tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ người làm công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật (tối đa 02 điểm). Trong đó, từ 80% trở lên: 02 điểm; từ
--	---

	65% đến 80%: 01 điểm; dưới 65%: 0 điểm. Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 03/2018/TT-BTP): 3. Bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật (tối đa 07 điểm). a) Hằng năm đều bố trí đủ kinh phí thường xuyên triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước: 03 điểm; trường hợp có bố trí nhưng không đủ để thực hiện nhiệm vụ được giao: 02 điểm; không bố trí: 0 điểm; b) Hằng năm đều bố trí đủ kinh phí triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi được giao chủ trì thực hiện: 02 điểm; trường hợp bố trí không đủ để thực hiện nhiệm vụ được giao: 01 điểm; không bố trí: 0 điểm; c) Có triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo chủ trương xã hội hóa: 02 điểm; trường hợp có triển khai các hoạt động vận động tài trợ nhưng không thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia: 01 điểm; không triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động các nguồn lực: 0 điểm. * Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Chỉ tiêu “Ban hành kế hoạch và tổ chức hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp” (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình). + Thực hiện kịp thời công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (Quyết định số: 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu). + Triển khai tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, của cấp trên và của địa phương (Quyết định số 06/2023/QĐ-
--	---

		UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông). * Khung tiêu chuẩn danh hiệu “xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP: Chỉ tiêu về “Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.
3	Tiêu chí 3. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	
	Chỉ tiêu 1. Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	* Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024): Nội dung 18.4.a. “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” (sử dụng kết quả đánh giá Tiêu chí 3 theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg để đánh giá nội dung này).
	Chỉ tiêu 2. Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	* Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024):
	Chỉ tiêu 3. Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở; 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành; 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.
4	Tiêu chí 4. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	
	Chỉ tiêu 1. Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	* Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Tiêu chí “Về thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và đoàn kết nội bộ (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên) + Tiêu chí “Thực hiện Quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền ở xã, phường, thị trấn” (Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng) + Tiêu chí “Triển khai, thực hiện đúng Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở” (Quyết định số:05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4 /2017 của UBND tỉnh Lai Châu)
	Chỉ tiêu 2. Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	
	Chỉ tiêu 3. Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	

		+ Tiêu chí “Công khai minh bạch, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn” (Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Phú Yên) + Tiêu chí “Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở” (Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)
	Chỉ tiêu 4. Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	+ Tiêu chí “Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở” (Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn) + Chỉ tiêu “Tổ chức lấy ý kiến của nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và lấy ý kiến nhân dân vào các nội dung theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền”. (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông). + Chỉ tiêu “Tổ chức đối thoại với nhân dân đảm bảo theo quy định của pháp luật” (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng) + Chỉ tiêu “Tổ chức ít nhất 01 hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật cho nhân dân và thanh niên địa phương (Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình) + Chỉ tiêu “Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND cấp xã với Nhân dân trên địa bàn đảm bảo đầy đủ nội dung quy định (tối thiểu một năm một lần). (Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông). * Tiêu chuẩn danh hiệu “xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo Nghị định 86/2023/NĐ-CP: “Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương”.
5	Tiêu chí 5. Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	
	Chỉ tiêu 1. Tổ chức tiếp công dân.	* Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp

tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Chỉ tiêu “Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.” (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên). + Chỉ tiêu “Thực hiện nghiêm túc quy định việc tổ chức tiếp công dân, giải quyết kịp thời, có hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân, không để xảy ra khiếu kiện đông người, tồn đọng, kéo dài” (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số: 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông). - Chỉ tiêu “Duy trì, thực hiện tốt công tác tiếp công dân tại trụ sở UBND cấp xã theo quy định của Luật tiếp công dân” (Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình). HĐND, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện tốt công tác tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân theo quy định hiện hành (Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông) - Chỉ tiêu “Thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết đơn” (Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).
Chỉ tiêu 2. Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính	* Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Tiêu chí về “Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính” (Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng) + Tiêu chí “Thực hiện cơ chế "một cửa" "một cửa liên thông" có hiệu quả, hàng năm giải quyết hồ sơ của các tổ chức và công dân đạt 100%” (Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm

		Đồng; Quyết định số:05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu) + Tiêu chí “Thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định” (Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình) + Tiêu chí “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hoặc sớm hạn” (Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn). * Khung tiêu chuẩn danh hiệu “xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP: Chỉ tiêu về “Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định”. * Tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg: Chỉ tiêu 9.3 “Thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp đơn giản, thuận tiện, tiến bộ đáp ứng được nhu cầu của người dân trên địa bàn”. - Các bộ chỉ số PAR INDEX (Chỉ số cải cách hành chính), PAPI (Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh), SIPAS (Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước): Có các nội dung đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính của xã, phường, thị trấn.
	Chỉ tiêu 3. Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật (khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2024/TT-BTP): 3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau: a) Tình hình vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ; b) Tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
	Chỉ tiêu 4. Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh	- Tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành: + Tiêu chí về lĩnh vực an ninh trật tự (Quyết định

quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình) + Chỉ tiêu “Xử lý dứt điểm các vụ việc liên quan đến lĩnh vực ANTT, các tệ nạn xã hội, xây dựng địa bàn xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; (Quyết định số: 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai) + Chỉ tiêu “Có trên 70% số thôn, bản, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo quy định (1đ); không để xảy ra các vụ việc, tụ điểm phức tạp, hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự trên địa bàn” (Quyết định số: 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Lai Châu) + Chỉ tiêu “Được UBND cấp huyện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông) + Tiêu chí “An ninh - quốc phòng” (Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Phú Yên) + Chỉ tiêu “Xây dựng, triển khai kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự và đăng ký phần đấu đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” (Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn) * Khung tiêu chuẩn danh hiệu “xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP: Chỉ tiêu “Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.” * Tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg: Chỉ tiêu 4.6: “Thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp đơn giản, thuận tiện, tiến bộ đáp ứng được nhu cầu của người dân trên địa bàn”.
-----------------------------------	--